Phụ lục VI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX **CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* ----------
Số: 848 CV/2023/VC25-CBTT	*Đà Nẵng, ngày 02 tháng 12 năm 2023*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. **Tên tổ chức:** CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

- Mã chứng khoán: VCC

- Địa chỉ: 89A Phan Đăng Lưu, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

- Điện thoại liên hệ: (0236) 362 1632 Fax: (0236) 362 1638

- E-mail: info@vinaconex25.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố**:

Ngày 01/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty CP Vinaconex 25 đã thông qua Nghị quyết số 37NQ/2023/VC25-HĐQT điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2023 theo đính kèm.

Công ty xin Báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo đính kèm.

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 02/12/2023 tại đường dẫn http://vinaconex25.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Nghị quyết 37NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 01/12/2023;

Báo cáo 847/2023/VCC ngày 01/12/2023.

Đại diện Tổ chức
Người UQCBTT

LÊ THỊ THANH THẢO

E=thaolt@vinaconex25.com.vn, UID=CCCD:048183007479, UID=MST:4000378261, CN=LÊ THỊ THANH THẢO, T=Người được ủy quyền CBTT, O=CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25, L=Quận Hải Châu, S=Đà Nẵng, C=VN
02/12/2023, 16:01:44

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37NQ/2023/VC25-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

V/v: Điều chỉnh Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 240 tỷ đồng

---

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp năm 2020;*
- *Luật Chứng khoán năm 2019;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;*
- *Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vinaconex 25 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 12/04/2021;*
- *Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 23QĐ/2021/VC25-HĐQT ngày 13/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaconex 25;*
- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023;*
- *Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023;*
- *Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán số 271/GCN-UBCK ngày 05/09/2023 của UBCKNN*
- *Biên bản họp HĐQT ngày 01/12/2023,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán được quy định tại Điều 2 Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023

1. Thông qua điều chỉnh Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán được quy định tại Điều 2 Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023, cụ thể như sau:

   Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán 12.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng để thanh toán các Hợp đồng tín dụng cụ thể, các Giấy nhận nợ (gọi tắt là "Khế ước vay ngân hàng") lần lượt thuộc Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/586039/HĐTD ký ngày 06/09/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam và Công ty Cổ phần Vinaconex 25 ("Hợp đồng tín dụng số 01") và Hợp đồng cho vay hạn mức số 20/2023-HĐCVHM/NHCT482-VINACONEX25 ký ngày 01/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Vinaconex 25 và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam ("Hợp đồng cho vay hạn mức số 20"). Thời gian sử dụng vốn để trả các khoản vay là sau khi kết thúc đợt chào bán. Cụ thể:

STT	Số Hợp đồng	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)
1	01/2022/586039/HĐTD ký ngày 06/09/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam và Công ty Cổ phần Vinaconex 25	80.000.000.000
2	20/2023-HĐCVHM/NHCT482-VINACONEX25 ký ngày 01/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Vinaconex 25 và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	40.000.000.000
	Tổng cộng	**120.000.000.000**

- Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ dùng để thanh toán cho các Hợp đồng tín dụng cụ thể thuộc Hợp đồng tín dụng số 01 như sau:

STT	Số hợp đồng tín dụng cụ thể (*)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
1	01.265/2022/586039/HĐTD	28/03/2023	08/11/2023	4.674.939.690	4.399.006.064	-	-	Quý 4/2023
2	01.270/2022/586039/HĐTD	03/04/2023	14/11/2023	8.147.963.761	8.147.963.761	-	-	Quý 4/2023
3	01.271/2022/586039/HĐTD	03/04/2023	14/11/2023	3.952.755.800	3.952.755.800	-	-	Quý 4/2023
4	01.274/2022/586039/HĐTD	07/04/2023	17/11/2023	5.993.480.000	5.993.480.000	-	-	Quý 4/2023
5	01.276/2022/586039/HĐTD	10/04/2023	21/11/2023	3.336.542.449	3.336.542.449	-	-	Quý 4/2023
6	01.277/2022/586039/HĐTD	10/04/2023	21/11/2023	1.566.624.000	1.566.624.000	-	-	Quý 4/2023
7	01.279/2022/586039/HĐTD	13/04/2023	24/11/2023	2.447.891.108	2.447.891.108	2.447.891.108	2.447.891.108	Quý 4/2023
8	01.280/2022/586039/HĐTD	13/04/2023	24/11/2023	757.044.000	757.044.000	757.044.000	757.044.000	Quý 4/2023
9	01.281/2022/586039/HĐTD	13/04/2023	24/11/2023	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	Quý 4/2023
10	01.282/2022/586039/HĐTD	14/04/2023	24/11/2023	5.574.493.041	5.574.493.041	5.574.493.041	5.574.493.041	Quý 4/2023
11	01.283/2022/586039/HĐTD	17/04/2023	28/11/2023	5.611.932.554	5.611.932.554	5.611.932.554	5.611.932.554	Quý 4/2023
12	01.284/2022/586039/HĐTD	17/04/2023	28/11/2023	1.549.232.171	1.549.232.171	1.549.232.171	1.549.232.171	Quý 4/2023
13	01.285/2022/586039/HĐTD	17/04/2023	28/11/2023	246.777.441	246.777.441	246.777.441	246.777.441	Quý 4/2023
14	01.286/2022/586039/HĐTD	18/04/2023	29/11/2023	3.817.093.376	3.817.093.376	3.817.093.376	3.817.093.376	Quý 4/2023
15	01.287/2022/586039/HĐTD	18/04/2023	29/11/2023	792.080.000	792.080.000	792.080.000	792.080.000	Quý 4/2023
16	01.294/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	2.480.101.400	2.480.101.400	2.480.101.400	2.480.101.400	Quý 4/2023
17	01.295/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	1.499.433.900	1.499.433.900	1.499.433.900	1.499.433.900	Quý 4/2023

STT	Số hợp đồng tín dụng cụ thể (*)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
18	01.296/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	330.000.000	330.000.000	330.000.000	330.000.000	Quý 4/2023
19	01.297/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000	Quý 4/2023
20	01.298/2022/586039/HĐTD	25/04/2023	06/12/2023	4.051.975.430	4.051.975.430	4.051.975.430	4.051.975.430	Quý 4/2023
21	01.301/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	511.533.995	511.533.995	511.533.995	511.533.995	Quý 4/2023
22	01.302/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.520.090.007	2.520.090.007	2.520.090.007	2.520.090.007	Quý 4/2023
23	01.303/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
24	01.304/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	Quý 4/2023
25	01.305/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	Quý 4/2023
26	01.306/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	Quý 4/2023
27	01.307/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
28	01.308/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
29	01.309/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
30	01.310/2022/586039/HĐTD	08/05/2023	19/12/2023	8.413.949.503	8.413.949.503	8.413.949.503	8.413.949.503	Quý 4/2023
31	01.382/2022/586039/HĐTD	12/07/2023	22/02/2024	-	-	1.170.056.000	885.980.263	Quý 1/2024
32	01.384/2022/586039/HĐTD	13/07/2023	23/02/2024	-	-	2.182.162.000	2.182.162.000	Quý 1/2024
33	01.385/2022/586039/HĐTD	13/07/2023	23/02/2024	-	-	1.109.315.216	1.109.315.216	Quý 1/2024
34	01.386/2022/586039/HĐTD	14/07/2023	23/02/2024	-	-	4.604.562.000	4.604.562.000	Quý 1/2024
35	01.387/2022/586039/HĐTD	14/07/2023	23/02/2024	-	-	666.810.000	666.810.000	Quý 1/2024
36	01.388/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	6.377.398.760	6.377.398.760	Quý 1/2024
37	01.389/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	547.720.992	547.720.992	Quý 1/2024
38	01.390/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	785.554.000	785.554.000	Quý 1/2024
39	01.391/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	2.279.253.660	2.279.253.660	Quý 1/2024
40	01.392/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	573.589.100	573.589.100	Quý 1/2024
41	01.396/2022/586039/HĐTD	21/07/2023	01/03/2024	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	Quý 1/2024
42	01.397/2022/586039/HĐTD	21/07/2023	01/03/2024	-	-	252.000.000	252.000.000	Quý 1/2024
43	01.398/2022/586039/HĐTD	24/07/2023	05/03/2024	-	-	3.412.026.083	3.412.026.083	Quý

STT	Số hợp đồng tín dụng cụ thể (*)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
								1/2024
44	01.399/2022/586039/HĐTD	24/07/2023	05/03/2024	-	-	720.000.000	720.000.000	Quý 1/2024
	TỔNG			**80.275.933.626**	**80.000.000.000**	**80.284.075.737**	**80.000.000.000**	

(*) Hợp đồng tín dụng cụ thể có số thứ tự từ STT (7) đến STT (30) được giữ nguyên theo phương án sử dụng vốn ban đầu; từ STT (1) đến STT (6) được điều chỉnh và thay thế bởi các hợp đồng tín dụng cụ thể có số thứ tự từ STT (31) đến STT (44) với tổng giá trị là 27.396.372.074 đồng theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ dùng để thanh toán cho các Giấy nhận nợ thuộc Hợp đồng cho vay hạn mức số 20 như sau:

STT	Giấy nhận nợ (**)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
1	08	10/03/2023	10/09/2023	3.246.125.134	2.512.415.534	3.246.125.134	2.512.415.534	Quý 3/2023
2	14	20/03/2023	20/09/2023	1.056.172.304	1.056.172.304	1.056.172.304	1.056.172.304	Quý 3/2023
3	15	21/03/2023	21/09/2023	1.937.645.872	1.937.645.872	1.937.645.872	1.937.645.872	Quý 3/2023
4	16	21/03/2023	21/09/2023	2.746.544.115	2.746.544.115	2.746.544.115	2.746.544.115	Quý 3/2023
5	18	24/03/2023	24/09/2023	3.000.000.000	3.000.000.000	-		Quý 3/2023
6	20	27/03/2023	27/09/2023	1.710.394.579	1.710.394.579	-		Quý 3/2023
7	21	28/03/2023	28/09/2023	2.549.831.971	2.549.831.971	-		Quý 3/2023
8	25	03/04/2023	03/10/2023	2.554.455.037	2.554.455.037	-		Quý 4/2023
9	27	06/04/2023	06/10/2023	1.250.952.476	1.250.952.476	-		Quý 4/2023
10	29	10/04/2023	10/10/2023	2.097.750.000	2.097.750.000	-		Quý 4/2023
1	30	11/04/2023	11/10/2023	5.543.797.530	5.543.797.530	-		Quý 4/2023
2	32	14/04/2023	14/10/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	-		Quý 4/2023
3	38	18/04/2023	18/10/2023	1.711.220.030	1.711.220.030	-		Quý 4/2023
4	40	20/04/2023	20/10/2023	2.622.284.746	2.622.284.746	-		Quý 4/2023
5	42	24/04/2023	24/10/2023	1.532.152.958	1.532.152.958	-		Quý 4/2023
6	43	24/04/2023	24/10/2023	1.258.650.000	1.258.650.000	-		Quý 4/2023
7	44	24/04/2023	24/10/2023	739.421.402	739.421.402	-		Quý 4/2023
8	45	25/04/2023	25/10/2023	658.709.746	658.709.746	-		Quý 4/2023
9	46	28/04/2023	28/10/2023	1.698.091.700	1.698.091.700	-		Quý 4/2023
10	47	28/04/2023	28/10/2023	819.510.000	819.510.000	-		Quý 4/2023
11	60	06/06/2023	06/12/2023			1.064.508.358	1.064.508.358	Quý 4/2023
13	62	12/06/2023	12/12/2023			1.611.685.056	1.611.685.056	Quý 4/2023
14	65	14/06/2023	14/12/2023			1.690.789.535	1.690.789.535	Quý 4/2023
15	69	27/06/2023	27/12/2023			1.649.063.859	1.649.063.859	Quý 4/2023

STT	Giấy nhận nợ (**)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
16	94	16/08/2023	16/02/2024			1.739.899.154	1.739.899.154	Quý 1/2024
17	99	21/08/2023	21/02/2024			1.604.262.020	1.604.262.020	Quý 1/2024
18	100	23/08/2023	23/02/2024			1.962.100.000	1.962.100.000	Quý 1/2024
19	102	24/08/2023	26/02/2024			2.951.379.000	2.951.379.000	Quý 1/2024
20	109	30/08/2023	29/02/2024			3.763.504.240	3.763.504.240	Quý 1/2024
21	111	06/09/2023	06/03/2024			2.105.398.914	2.105.398.914	Quý 1/2024
22	113	07/09/2023	07/03/2024			2.582.500.000	2.582.500.000	Quý 1/2024
23	121	14/09/2023	14/03/2024			2.147.770.820	2.147.770.820	Quý 1/2024
24	125	19/09/2023	19/03/2024			7.628.288.754	6.874.361.219	Quý 1/2024
	TỔNG			**40.733.709.600**	**40.000.000.000**	**41.487.637.135**	**40.000.000.000**	

(**) Số tiền dự kiến sử dụng theo các Giấy nhận nợ có số thứ tự từ STT (1) đến STT (4) được giữ nguyên theo phương án sử dụng vốn ban đầu là 8.252.777.825 đồng và sẽ được điều chỉnh sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua. Giấy nhận nợ có số thứ tự từ STT (5) đến STT (20) được điều chỉnh và thay thế bởi các Giấy nhận nợ có số thứ tự từ STT (21) đến STT (33) với tổng giá trị là 31.747.222.175 đồng theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Số tiền sử dụng vốn thay đổi so với phương án sử dụng vốn ban đầu là: 59.143.594.249 đồng, chiếm 49.29% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán.

Lý do thay đổi: Một số Khế ước vay ngân hàng đến hạn trả trong năm 2023 lần lượt thuộc Hợp đồng tín dụng số 01 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 20, được thông qua theo Nghị quyết HĐQT số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023 đã đến hạn trước thời điểm Công ty hoàn tất việc phát hành tăng vốn nên Công ty đã huy động nguồn vốn khác để trả nợ cho các Khế ước vay ngân hàng này. Vì vậy, Hội đồng quản trị điều chỉnh phương án sử dụng vốn (dưới 50% số tiền thu được từ đợt chào bán thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị) đối với các Khế ước vay đã trả nợ trên bằng các Khế ước vay khác thuộc HĐ tín dụng số 01 và HĐ 20 bằng nguồn tiền thu được từ đợt chào bán.

2. Các nội dung khác không thay đổi so với Nghị quyết số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023 đã ban hành.

Điều 2. Hiệu lực và thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TTK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

NGUYỄN XUÂN ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Số: 847/2023/VCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO THAY ĐỔI PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 271/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/09/2023)

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
2. Địa chỉ trụ sở chính: 89A Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
3. Điện thoại: (0236) 362 1632

   Fax: (0236) 362 1638

   Website: https://www.vinaconex25.com.vn
4. Vốn điều lệ: 240.000.000.000 đồng

   (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tỷ đồng)
5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: VCC
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Quảng Nam

   Số hiệu tài khoản: 5621.0000.0000.15
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000378261 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 27/12/2004, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 05/07/2023.

   Ngành nghề kinh doanh chính:

   - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4299);
   - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Mã ngành: 2395);
   - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810)

   Sản phẩm/dịch vụ chính:

   - Công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, sân bay, bến cảng, thủy điện, đường dây và trạm biến thế đến 500kV;

- Đá, bê tông và các vật liệu xây dựng khác;
- Bất động sản

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: Không.

II. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

1. Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vinaconex 25
2. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Số lượng chứng khoán đã phát hành: 12.000.000 cổ phiếu
5. Tổng vốn/số tiền đã huy động: 120.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn/số tiền huy động cho dự án: 0 đồng.
6. Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành: 16/11/2023

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH

1. Phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành:

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán 12.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được sử dụng để thanh toán các Hợp đồng tín dụng cụ thể, các Giấy nhận nợ (gọi tắt là "Khế ước vay ngân hàng") đến hạn trả trong năm 2023 lần lượt thuộc Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/586039/HĐTD ký ngày 06/09/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam và Công ty Cổ phần Vinaconex 25 ("Hợp đồng tín dụng số 01") và Hợp đồng cho vay hạn mức số 20/2023-HĐCVHM/NHCT482-VINACONEX25 ký ngày 01/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Vinaconex 25 và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam ("Hợp đồng cho vay hạn mức số 20"). Thời gian sử dụng vốn để trả các khoản vay là sau khi kết thúc đợt chào bán, dự kiến Quý III - Quý IV/2023. Cụ thể:

STT	Số Hợp đồng	Số dư nợ tiền vay tại thời ngày 10/5/2023 (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)
1	01/2022/586039/HĐTD ký ngày 06/09/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam và Công ty Cổ phần Vinaconex 25	192.306.177.328	80.000.000.000
2	20/2023-HĐCVHM/NHCT482-VINACONEX25 ký ngày 01/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Vinaconex 25 và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	103.236.555.985	40.000.000.000
	Tổng cộng	**295.542.733.313**	**120.000.000.000**

- Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ dùng để thanh toán cho các Hợp đồng tín dụng cụ thể thuộc Hợp đồng tín dụng số 01 như sau:

STT	Số hợp đồng tín dụng cụ thể	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán	Thời gian sử dụng vốn dự kiến
1	01.265/2022/586039/HĐTD	28/03/2023	08/11/2023	4.674.939.690	4.399.006.064	Quý 4/2023
2	01.270/2022/586039/HĐTD	03/04/2023	14/11/2023	8.147.963.761	8.147.963.761	Quý 4/2023
3	01.271/2022/586039/HĐTD	03/04/2023	14/11/2023	3.952.755.800	3.952.755.800	Quý 4/2023
4	01.274/2022/586039/HĐTD	07/04/2023	17/11/2023	5.993.480.000	5.993.480.000	Quý 4/2023
5	01.276/2022/586039/HĐTD	10/04/2023	21/11/2023	3.336.542.449	3.336.542.449	Quý 4/2023
6	01.277/2022/586039/HĐTD	10/04/2023	21/11/2023	1.566.624.000	1.566.624.000	Quý 4/2023
7	01.279/2022/586039/HĐTD	13/04/2023	24/11/2023	2.447.891.108	2.447.891.108	Quý 4/2023
8	01.280/2022/586039/HĐTD	13/04/2023	24/11/2023	757.044.000	757.044.000	Quý 4/2023
9	01.281/2022/586039/HĐTD	13/04/2023	24/11/2023	400.000.000	400.000.000	Quý 4/2023
10	01.282/2022/586039/HĐTD	14/04/2023	24/11/2023	5.574.493.041	5.574.493.041	Quý 4/2023
11	01.283/2022/586039/HĐTD	17/04/2023	28/11/2023	5.611.932.554	5.611.932.554	Quý 4/2023
12	01.284/2022/586039/HĐTD	17/04/2023	28/11/2023	1.549.232.171	1.549.232.171	Quý 4/2023
13	01.285/2022/586039/HĐTD	17/04/2023	28/11/2023	246.777.441	246.777.441	Quý 4/2023
14	01.286/2022/586039/HĐTD	18/04/2023	29/11/2023	3.817.093.376	3.817.093.376	Quý 4/2023
15	01.287/2022/586039/HĐTD	18/04/2023	29/11/2023	792.080.000	792.080.000	Quý 4/2023
16	01.294/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	2.480.101.400	2.480.101.400	Quý 4/2023
17	01.295/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	1.499.433.900	1.499.433.900	Quý 4/2023
18	01.296/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	330.000.000	330.000.000	Quý 4/2023
19	01.297/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	200.000.000	200.000.000	Quý 4/2023
20	01.298/2022/586039/HĐTD	25/04/2023	06/12/2023	4.051.975.430	4.051.975.430	Quý 4/2023
21	01.301/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	511.533.995	511.533.995	Quý 4/2023
22	01.302/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.520.090.007	2.520.090.007	Quý 4/2023
23	01.303/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
24	01.304/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	500.000.000	500.000.000	Quý 4/2023
25	01.305/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	1.000.000.000	1.000.000.000	Quý 4/2023
26	01.306/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	1.900.000.000	1.900.000.000	Quý 4/2023
27	01.307/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023

STT	Số hợp đồng tín dụng cụ thể	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán	Thời gian sử dụng vốn dự kiến
28	01.308/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
29	01.309/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
30	01.310/2022/586039/HĐTD	08/05/2023	19/12/2023	8.413.949.503	8.413.949.503	Quý 4/2023
	TỔNG			**80.275.933.626**	**80.000.000.000**	

- Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ dùng để thanh toán cho các Giấy nhận nợ thuộc Hợp đồng cho vay hạn mức số 20 như sau:

STT	Số GNN	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán	Thời gian sử dụng vốn dự kiến
1	08	10/03/2023	10/09/2023	3.246.125.134	2.512.415.534	Quý 3/2023
2	14	20/03/2023	20/09/2023	1.056.172.304	1.056.172.304	Quý 3/2023
3	15	21/03/2023	21/09/2023	1.937.645.872	1.937.645.872	Quý 3/2023
4	16	21/03/2023	21/09/2023	2.746.544.115	2.746.544.115	Quý 3/2023
5	18	24/03/2023	24/09/2023	3.000.000.000	3.000.000.000	Quý 3/2023
6	20	27/03/2023	27/09/2023	1.710.394.579	1.710.394.579	Quý 3/2023
7	21	28/03/2023	28/09/2023	2.549.831.971	2.549.831.971	Quý 3/2023
8	25	03/04/2023	03/10/2023	2.554.455.037	2.554.455.037	Quý 4/2023
9	27	06/04/2023	06/10/2023	1.250.952.476	1.250.952.476	Quý 4/2023
10	29	10/04/2023	10/10/2023	2.097.750.000	2.097.750.000	Quý 4/2023
11	30	11/04/2023	11/10/2023	5.543.797.530	5.543.797.530	Quý 4/2023
12	32	14/04/2023	14/10/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
13	38	18/04/2023	18/10/2023	1.711.220.030	1.711.220.030	Quý 4/2023
14	40	20/04/2023	20/10/2023	2.622.284.746	2.622.284.746	Quý 4/2023
15	42	24/04/2023	24/10/2023	1.532.152.958	1.532.152.958	Quý 4/2023
16	43	24/04/2023	24/10/2023	1.258.650.000	1.258.650.000	Quý 4/2023
17	44	24/04/2023	24/10/2023	739.421.402	739.421.402	Quý 4/2023
18	45	25/04/2023	25/10/2023	658.709.746	658.709.746	Quý 4/2023
19	46	28/04/2023	28/10/2023	1.698.091.700	1.698.091.700	Quý 4/2023

STT	Số GNN	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán	Thời gian sử dụng vốn dự kiến
20	47	28/04/2023	28/10/2023	819.510.000	819.510.000	Quý 4/2023
	TỔNG			**40.733.709.600**	**40.000.000.000**	

2. Phương án thay đổi:

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán 12.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được sử dụng để thanh toán các Hợp đồng tín dụng cụ thể, các Giấy nhận nợ (gọi tắt là "Khế ước vay ngân hàng") lần lượt thuộc Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/586039/HĐTD ký ngày 06/09/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam và Công ty Cổ phần Vinaconex 25 ("Hợp đồng tín dụng số 01") và Hợp đồng cho vay hạn mức số 20/2023-HĐCVHM/NHCT482-VINACONEX25 ký ngày 01/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Vinaconex 25 và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam ("Hợp đồng cho vay hạn mức số 20"). Thời gian sử dụng vốn để trả các khoản vay là sau khi kết thúc đợt chào bán. Cụ thể:

STT	Số Hợp đồng	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)
1	01/2022/586039/HĐTD ký ngày 06/09/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam và Công ty Cổ phần Vinaconex 25	80.000.000.000
2	20/2023-HĐCVHM/NHCT482-VINACONEX25 ký ngày 01/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Vinaconex 25 và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	40.000.000.000
	Tổng cộng	**120.000.000.000**

- Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ dùng để thanh toán cho các Hợp đồng tín dụng cụ thể thuộc Hợp đồng tín dụng số 01 như sau:

STT	Số hợp đồng tín dụng cụ thể (*)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
1	01.265/2022/586039/HĐTD	28/03/2023	08/11/2023	4.674.939.690	4.399.006.064	-	-	Quý 4/2023
2	01.270/2022/586039/HĐTD	03/04/2023	14/11/2023	8.147.963.761	8.147.963.761	-	-	Quý 4/2023
3	01.271/2022/586039/HĐTD	03/04/2023	14/11/2023	3.952.755.800	3.952.755.800	-	-	Quý 4/2023

STT	Số hợp đồng tín dụng cụ thể (*)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
4	01.274/2022/586039/HĐTD	07/04/2023	17/11/2023	5.993.480.000	5.993.480.000	-	-	Quý 4/2023
5	01.276/2022/586039/HĐTD	10/04/2023	21/11/2023	3.336.542.449	3.336.542.449	-	-	Quý 4/2023
6	01.277/2022/586039/HĐTD	10/04/2023	21/11/2023	1.566.624.000	1.566.624.000	-	-	Quý 4/2023
7	01.279/2022/586039/HĐTD	13/04/2023	24/11/2023	2.447.891.108	2.447.891.108	2.447.891.108	2.447.891.108	Quý 4/2023
8	01.280/2022/586039/HĐTD	13/04/2023	24/11/2023	757.044.000	757.044.000	757.044.000	757.044.000	Quý 4/2023
9	01.281/2022/586039/HĐTD	13/04/2023	24/11/2023	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	Quý 4/2023
10	01.282/2022/586039/HĐTD	14/04/2023	24/11/2023	5.574.493.041	5.574.493.041	5.574.493.041	5.574.493.041	Quý 4/2023
11	01.283/2022/586039/HĐTD	17/04/2023	28/11/2023	5.611.932.554	5.611.932.554	5.611.932.554	5.611.932.554	Quý 4/2023
12	01.284/2022/586039/HĐTD	17/04/2023	28/11/2023	1.549.232.171	1.549.232.171	1.549.232.171	1.549.232.171	Quý 4/2023
13	01.285/2022/586039/HĐTD	17/04/2023	28/11/2023	246.777.441	246.777.441	246.777.441	246.777.441	Quý 4/2023
14	01.286/2022/586039/HĐTD	18/04/2023	29/11/2023	3.817.093.376	3.817.093.376	3.817.093.376	3.817.093.376	Quý 4/2023
15	01.287/2022/586039/HĐTD	18/04/2023	29/11/2023	792.080.000	792.080.000	792.080.000	792.080.000	Quý 4/2023
16	01.294/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	2.480.101.400	2.480.101.400	2.480.101.400	2.480.101.400	Quý 4/2023
17	01.295/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	1.499.433.900	1.499.433.900	1.499.433.900	1.499.433.900	Quý 4/2023
18	01.296/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	330.000.000	330.000.000	330.000.000	330.000.000	Quý 4/2023
19	01.297/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000	Quý 4/2023
20	01.298/2022/586039/HĐTD	25/04/2023	06/12/2023	4.051.975.430	4.051.975.430	4.051.975.430	4.051.975.430	Quý 4/2023
21	01.301/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	511.533.995	511.533.995	511.533.995	511.533.995	Quý 4/2023
22	01.302/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.520.090.007	2.520.090.007	2.520.090.007	2.520.090.007	Quý 4/2023
23	01.303/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
24	01.304/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	Quý 4/2023
25	01.305/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	Quý 4/2023

STT	Số hợp đồng tín dụng cụ thể (*)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
26	01.306/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	Quý 4/2023
27	01.307/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
28	01.308/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
29	01.309/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
30	01.310/2022/586039/HĐTD	08/05/2023	19/12/2023	8.413.949.503	8.413.949.503	8.413.949.503	8.413.949.503	Quý 4/2023
31	01.382/2022/586039/HĐTD	12/07/2023	22/02/2024	-	-	1.170.056.000	885.980.263	Quý 1/2024
32	01.384/2022/586039/HĐTD	13/07/2023	23/02/2024	-	-	2.182.162.000	2.182.162.000	Quý 1/2024
33	01.385/2022/586039/HĐTD	13/07/2023	23/02/2024	-	-	1.109.315.216	1.109.315.216	Quý 1/2024
34	01.386/2022/586039/HĐTD	14/07/2023	23/02/2024	-	-	4.604.562.000	4.604.562.000	Quý 1/2024
35	01.387/2022/586039/HĐTD	14/07/2023	23/02/2024	-	-	666.810.000	666.810.000	Quý 1/2024
36	01.388/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	6.377.398.760	6.377.398.760	Quý 1/2024
37	01.389/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	547.720.992	547.720.992	Quý 1/2024
38	01.390/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	785.554.000	785.554.000	Quý 1/2024
39	01.391/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	2.279.253.660	2.279.253.660	Quý 1/2024
40	01.392/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	573.589.100	573.589.100	Quý 1/2024
41	01.396/2022/586039/HĐTD	21/07/2023	01/03/2024	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	Quý 1/2024
42	01.397/2022/586039/HĐTD	21/07/2023	01/03/2024	-	-	252.000.000	252.000.000	Quý 1/2024
43	01.398/2022/586039/HĐTD	24/07/2023	05/03/2024	-	-	3.412.026.083	3.412.026.083	Quý 1/2024
44	01.399/2022/586039/HĐTD	24/07/2023	05/03/2024	-	-	720.000.000	720.000.000	Quý 1/2024
	TỔNG			**80.275.933.626**	**80.000.000.000**	**80.284.075.737**	**80.000.000.000**	

- (*) Hợp đồng tín dụng cụ thể có số thứ tự từ STT (7) đến STT (30) được giữ nguyên theo phương án sử dụng vốn ban đầu; từ STT (1) đến STT (6) được điều chỉnh và thay thế bởi các hợp đồng tín dụng cụ thể có số thứ tự từ STT (31) đến STT (44) với tổng giá trị là 27.396.372.074 đồng theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ dùng để thanh toán cho các Giấy nhận nợ thuộc Hợp đồng cho vay hạn mức số 20 như sau:

STT	Giấy nhận nợ (**)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
1	08	10/03/2023	10/09/2023	3.246.125.134	2.512.415.534	3.246.125.134	2.512.415.534	Quý 3/2023
2	14	20/03/2023	20/09/2023	1.056.172.304	1.056.172.304	1.056.172.304	1.056.172.304	Quý 3/2023
3	15	21/03/2023	21/09/2023	1.937.645.872	1.937.645.872	1.937.645.872	1.937.645.872	Quý 3/2023
4	16	21/03/2023	21/09/2023	2.746.544.115	2.746.544.115	2.746.544.115	2.746.544.115	Quý 3/2023
5	18	24/03/2023	24/09/2023	3.000.000.000	3.000.000.000	-		Quý 3/2023
6	20	27/03/2023	27/09/2023	1.710.394.579	1.710.394.579	-		Quý 3/2023
7	21	28/03/2023	28/09/2023	2.549.831.971	2.549.831.971	-		Quý 3/2023
8	25	03/04/2023	03/10/2023	2.554.455.037	2.554.455.037	-		Quý 4/2023
9	27	06/04/2023	06/10/2023	1.250.952.476	1.250.952.476	-		Quý 4/2023
10	29	10/04/2023	10/10/2023	2.097.750.000	2.097.750.000	-		Quý 4/2023
11	30	11/04/2023	11/10/2023	5.543.797.530	5.543.797.530	-		Quý 4/2023
12	32	14/04/2023	14/10/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	-		Quý 4/2023
13	38	18/04/2023	18/10/2023	1.711.220.030	1.711.220.030	-		Quý 4/2023
14	40	20/04/2023	20/10/2023	2.622.284.746	2.622.284.746	-		Quý 4/2023
15	42	24/04/2023	24/10/2023	1.532.152.958	1.532.152.958	-		Quý 4/2023
16	43	24/04/2023	24/10/2023	1.258.650.000	1.258.650.000	-		Quý 4/2023
17	44	24/04/2023	24/10/2023	739.421.402	739.421.402	-		Quý 4/2023
18	45	25/04/2023	25/10/2023	658.709.746	658.709.746	-		Quý 4/2023
19	46	28/04/2023	28/10/2023	1.698.091.700	1.698.091.700	-		Quý 4/2023
20	47	28/04/2023	28/10/2023	819.510.000	819.510.000	-		Quý 4/2023
21	60	06/06/2023	06/12/2023			1.064.508.358	1.064.508.358	Quý 4/2023
22	62	12/06/2023	12/12/2023			1.611.685.056	1.611.685.056	Quý 4/2023
23	65	14/06/2023	14/12/2023			1.690.789.535	1.690.789.535	Quý 4/2023
24	69	27/06/2023	27/12/2023			1.649.063.859	1.649.063.859	Quý 4/2023
25	94	16/08/2023	16/02/2024			1.739.899.154	1.739.899.154	Quý 1/2024
26	99	21/08/2023	21/02/2024			1.604.262.020	1.604.262.020	Quý 1/2024
27	100	23/08/2023	23/02/2024			1.962.100.000	1.962.100.000	Quý 1/2024
28	102	24/08/2023	26/02/2024			2.951.379.000	2.951.379.000	Quý 1/2024
29	109	30/08/2023	29/02/2024			3.763.504.240	3.763.504.240	Quý 1/2024
30	111	06/09/2023	06/03/2024			2.105.398.914	2.105.398.914	Quý 1/2024

STT	Giấy nhận nợ (**)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
31	113	07/09/2023	07/03/2024			2.582.500.000	2.582.500.000	Quý 1/2024
32	121	14/09/2023	14/03/2024			2.147.770.820	2.147.770.820	Quý 1/2024
33	125	19/09/2023	19/03/2024			7.628.288.754	6.874.361.219	Quý 1/2024
	TỔNG			**40.733.709.600**	**40.000.000.000**	**41.487.637.135**	**40.000.000.000**	

- (**) Số tiền dự kiến sử dụng theo các Giấy nhận nợ có số thứ tự từ STT (1) đến STT (4) được giữ nguyên theo phương án sử dụng vốn ban đầu là 8.252.777.825 đồng và sẽ được điều chỉnh sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua. Giấy nhận nợ có số thứ tự từ STT (5) đến STT (20) được điều chỉnh và thay thế bởi các Giấy nhận nợ có số thứ tự từ STT (21) đến STT (33) với tổng giá trị là 31.747.222.175 đồng theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Số tiền sử dụng vốn thay đổi so với phương án sử dụng vốn ban đầu là: 59.143.594.249 đồng, chiếm 49,29% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán.

3. Lý do thay đổi (nếu có):

- Một số Khế ước vay ngân hàng đến hạn trả trong năm 2023 lần lượt thuộc Hợp đồng tín dụng số 01 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 20, được thông qua theo Nghị quyết HĐQT số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023 đã đến hạn trước thời điểm Công ty hoàn tất việc phát hành tăng vốn nên Công ty đã huy động nguồn vốn khác để trả nợ cho các Khế ước vay ngân hàng này.

- Các nội dung khác không thay đổi so với Nghị quyết số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023 đã ban hành.

4. Căn cứ thay đổi: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 37NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 01 tháng 12 năm 2023.

5. Phương án thay đổi được công bố thông tin tại: Trang thông tin điện tử của Công ty https://vinaconex25.com.vn/ ngày 02 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

(Người đại diện theo pháp luật)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

NGUYỄN VĂN TRUNG